

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TNN CHỢ MỚI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TNN CHỢ MỚI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNN CHO MOI INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNN CHỢ MỚI

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4700282646

**3. Ngày thành lập:** 21/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Suối Hón, Thị trấn Đồng Tâm, Huyện Chợ mới, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Điện thoại: 0946393999

Fax:

Email: quangtnngroup@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng lúa                                               | 0111        |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                 | 0112        |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                            | 0113        |
| 4.  | Trồng cây mía                                           | 0114        |
| 5.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                           | 0115        |
| 6.  | Trồng cây lấy sợi                                       | 0116        |
| 7.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                               | 0117        |
| 8.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                    | 0118        |
| 9.  | Trồng cây ăn quả                                        | 0121        |
| 10. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                              | 0122        |
| 11. | Trồng cây điều                                          | 0123        |
| 12. | Trồng cây hồ tiêu                                       | 0124        |
| 13. | Trồng cây cao su                                        | 0125        |
| 14. | Trồng cây cà phê                                        | 0126        |
| 15. | Trồng cây chè                                           | 0127        |
| 16. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm | 0128        |
| 17. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                     | 0131        |
| 18. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                      | 0132        |
| 19. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò           | 0141        |
| 20. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa     | 0142        |
| 21. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai  | 0144        |
| 22. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                     | 0145(Chính) |
| 23. | Chăn nuôi gia cầm                                       | 0146        |

|     |                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Chăn nuôi khác                                                                        | 0149 |
| 25. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                         | 0150 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                          | 0161 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                           | 0162 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                       | 0163 |
| 29. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                         | 0164 |
| 30. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                 | 0210 |
| 31. | Khai thác thủy sản biển                                                               | 0311 |
| 32. | Khai thác thủy sản nội địa                                                            | 0312 |
| 33. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                              | 0321 |
| 34. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                           | 0322 |
| 35. | Xây dựng nhà để ở                                                                     | 4101 |
| 36. | Xây dựng nhà không để ở                                                               | 4102 |
| 37. | Xây dựng công trình đường sắt                                                         | 4211 |
| 38. | Xây dựng công trình đường bộ                                                          | 4212 |
| 39. | Xây dựng công trình điện                                                              | 4221 |
| 40. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                   | 4222 |
| 41. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                    | 4223 |
| 42. | Xây dựng công trình công ích khác                                                     | 4229 |
| 43. | Xây dựng công trình thủy                                                              | 4291 |
| 44. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                       | 4292 |
| 45. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                 | 4293 |
| 46. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                            | 4299 |
| 47. | Phá dỡ                                                                                | 4311 |
| 48. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                     | 4312 |
| 49. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                 | 4321 |
| 50. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                 | 4322 |
| 51. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                        | 4329 |
| 52. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                        | 4330 |
| 53. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                   | 4390 |
| 54. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                   | 4651 |
| 55. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                    | 4652 |
| 56. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                | 4653 |
| 57. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                       | 4659 |
| 58. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                               | 4663 |
| 59. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 60. | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <p>+ Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62, Luật kinh doanh bất động sản 2014);</p> <p>+ Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Điều 69, Luật kinh doanh bất động sản 2014);</p> <p>+ Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74, Luật kinh doanh bất động sản 2014);</p> <p>+ Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75, Luật kinh doanh bất động sản 2014).</p> | 6820 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ TNN VIỆT NAM | Số 128 phố Sài Đồng, tổ 18, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     | 0109442574                                                                                  |         |
|     |                                              |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                              |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                              |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                              |                                                                                         | Tổng số                   | 1.120.000  | 11.200.000.000        | 56,000    |                                                                                             |         |
|     |                                              |                                                                                         | Cổ phần phổ thông         | 1.120.000  | 11.200.000.000        | 56,000    |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                  |                           |         |               |        |           |
|---|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 2 | ĐÀO THỊ MÃU ĐƠN    | Tổ dân phố Cộng Hòa, Phường Bàn Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 15,000 | 145006184 |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 15,000 |           |
| 3 | LÊ HOÀNG VŨ        | Tổ 12, P. Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 560.000 | 5.600.000.000 | 28,000 | 095034796 |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Tổng số                   | 560.000 | 5.600.000.000 | 28,000 |           |
| 4 | TRIỆU NGUYỄN ĐƯỜNG | Suối Bốc, Xã Yên Ninh, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 20.000  | 200.000.000   | 1,000  | 090505952 |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                    |                                                                                  | Tổng số                   | 20.000  | 200.000.000   | 1,000  |           |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 27/03/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030077000144

Ngày cấp: 08/05/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 128 Sài Đồng, tổ 18, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 128 Sài Đồng, tổ 18, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Kạn